

Bản án số 75/2017/HSST
Ngày 10/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Toàn Nghĩa
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Tuấn, ông Nguyễn Bá Đặng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký toà án

Đại diện VKS ND huyện Thái Thụy tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2017/HSST ngày 20/7/2017 đối với
BỊ CÁO: Đỗ Văn N sinh năm 1994

Trú tại: Thôn Đ xã T₁ - huyện T₂ - Thái Bình.

Trình độ học vấn 9/12. Nghề nghiệp: Công nhân

Con ông Đỗ Văn K, con bà Vũ Thị N.

Bị cáo ch- a có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

(Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà).

NGƯỜI BỊ HẠI:

Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1993

TQ: Thôn X- xã H - huyện T₂ - Thái Bình. *(vắng mặt)*

NHẬN THẤY

Bị cáo Đỗ Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố về hành vi phạm tội sau:

Khoảng 8 giờ ngày 24/4/2017 N điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 17B6-XXX đi từ nhà đến khu vực phòng trọ của Công ty Đ ở thôn C xã M huyện T, thấy cửa sau dãy nhà ở của công nhân không khóa, vắng người. N vào phòng trọ nhìn qua cửa phòng liền kề, phát hiện 1 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu đen, dây sạc và túi đựng của anh Nguyễn Văn Đ để ở trên giường. Ng đi đến lấy máy tính cùng bộ sạc cho vào túi xách rồi đi ra ngoài. N mang tài sản trộm cắp được đến nhà bà Hà Thị C sinh năm 1975, trú tại thôn L - xã X - huyện T (là mẹ của N) gửi máy tính rồi đi về nhà.

Các tài sản của anh Đ bị trộm cắp được định giá tổng là 4.720.000đ.

Anh Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 81 ngày 19/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn N đều khai nhận hành vi trộm cắp chiếc máy tính của anh Đ như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng. Cùng với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Văn N phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, để phát huy tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1 điều 46 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên cần áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 60 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bà Hà Thị C cho bị cáo N gửi tài sản trộm cắp tại nhà. Do bà C không biết số tài sản đó do N trộm cắp mà có nên không có lỗi và không bị xử lý.

Chiếc xe mô tô N dùng để đi trộm cắp là của bà Vũ Thị N (mẹ đẻ N). Bà N không biết N sử dụng xe đi trộm cắp nên không bị xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo: Đỗ Văn N phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*"

□p dụng: Khoản 1 điều 138; Điểm g, h, p khoản 1 điều 46; Điều 45; Khoản 1, khoản 2 điều 60 BLHS;

Tuyên phạt bị cáo Đỗ Văn N 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án, ngày 10/8/2017.

Giao bị cáo Đỗ Văn N cho UBND xã T₁ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về án phí:

Căn cứ nghị quyết số 326/QH ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí; Bị cáo N phải chịu án phí hình sự 200.000đ.

4/ Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, ngày 10/8/2017. Người vắng mặt được tính từ ngày tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS h T₂
- Bị cáo
- Người bị hại
- THA T₂
- CA T₂
- Tòa án tỉnh TB
- Lưu HS.

TM HỘI □□NG X□T X□
TP.Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán
Lưu Toàn Nghĩa

